

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Cúc;

- Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 614/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp ML, xã PL, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Thanh L, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp A, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Đoàn Thanh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến ngày 21-12-2007 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, mỗi lần cự cãi anh L hay bỏ về nhà cha mẹ ruột anh L sinh sống. Chị có khuyên thì anh L trở về chung sống được đến năm 2014. Nhưng kể từ năm 2014 thì anh L bỏ đi luôn cho đến nay, chỉ thỉnh thoảng mới về thăm con và đám tiệc bên gia đình chị. Thời gian ly thân đã lâu nhưng không hàn gắn được

tình cảm nên nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và không thể khắc phục được nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 14-11-2007. Chị là người trực tiếp nuôi cháu Q từ khi anh L bỏ đi nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**. Bị đơn, anh Đoàn Thanh L trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không đi ngủ sớm mà thường xuyên sử dụng điện thoại, anh có khuyên nhưng chị H không nghe nên anh có đánh chị H. Chính vì vậy mà vợ chồng không nói chuyện với nhau, anh bỏ về quê và vợ chồng sống ly thân nay đã 05 – 06 năm. Nay anh còn thương vợ nên không muốn ly hôn với chị H.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đoàn Thanh L tranh chấp về ly hôn; anh L cư trú tại ấp A, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Đoàn Thanh L không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đoàn Thanh L là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148, ngày 21-12-2007. Sau khi đám cưới vào năm 2006, vợ chồng sống hạnh phúc được đến khoảng giữa năm 2008 thì mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, mỗi lần cự cãi nhau thì anh L về gia đình bên anh L sinh sống. Chị H có khuyên anh L trở về thì hai bên sống được với nhau đến năm 2014 thì anh L bỏ đi luôn cho đến nay, thỉnh thoảng có về thăm con và dự đám tiệc bên gia đình chị H. Xét thời gian mâu thuẫn đã lâu nhưng hai bên không có biện pháp gì hàn gắn, anh L cũng không đến tham gia phiên tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ đã cho thấy anh L không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị H. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng,*

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị H và anh L đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị H và anh L có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 14-11-2007. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cháu Q có nguyện vọng được sống với mẹ, anh L cũng có ý kiến đồng ý để cháu Q sống với chị H nếu vợ chồng ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Q cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H. Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Đoàn Thanh L.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 14-11-2007 cho chị Nguyễn Thị Thu H là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Đoàn Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa yêu cầu. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006248 ngày 18-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của anh Đoàn Thanh L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã PL, huyện T, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực